

Số: 11/2019/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Hệ thống), Báo Đấu thầu theo quy định của Luật đấu thầu; lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp không hoàn trả cho nhà thầu.

2. Thông tin về đấu thầu đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ được khuyến khích đăng tải trong mục "vốn khác" trên Hệ thống, Báo Đấu thầu.

3. Đối với dự án, gói thầu có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì không phải cung cấp, đăng tải thông tin theo quy định của Thông tư này. Việc quản lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp không hoàn trả cho nhà thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu chọn áp dụng việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, thông tin về đấu thầu được đăng tải trong mục "vốn khác" trên Hệ thống.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* theo quy định tại Khoản 26 Điều 4 của Luật đấu thầu có địa chỉ tại <http://muasamcong.mpi.gov.vn>.

2. *Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia* (sau đây gọi là Trung tâm) thuộc Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Tổ chức vận hành Hệ thống theo quy định tại Điều 85 của Luật đấu thầu, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên Hệ thống và cung cấp Tổng đài hỗ trợ người dùng để giải đáp, hướng dẫn cho người dùng trong quá trình đăng ký tham gia Hệ thống, cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

3. *Văn bản điện tử* được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống, bao gồm:

- a) Thông tin về dự án;
- b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;
- c) Thông tin dự án đầu tư PPP, danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất;
- d) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng;
- đ) Danh sách ngắn;
- e) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá;
- g) Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá;
- h) Biên bản mở thầu, biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng);
- i) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất, báo cáo đánh giá báo giá (đối với lựa chọn nhà thầu qua mạng);
- k) Kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- l) Thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu qua mạng, bao gồm: nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và văn bản dưới dạng điện tử khác được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu trên Hệ thống.

4. *Chứng thư số* sử dụng trên Hệ thống là chứng thư số do Trung tâm cấp.

5. *Lịch sử giao dịch* là bản ghi thông tin gửi, nhận dữ liệu giao dịch trên Hệ thống.

6. *Hướng dẫn sử dụng* là tài liệu điện tử được đăng tải trên Hệ thống để hướng dẫn người dùng thực hiện giao dịch trên Hệ thống.

7. *Thông tin không hợp lệ* là thông tin do đối tượng quy định tại Điều 2 của Thông tư này tự đăng tải trên Hệ thống không tuân thủ quy định có liên quan của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống

1. Văn bản điện tử quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Thông tư này được công nhận giá trị pháp lý, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, giám sát theo quy định tại Khoản 5 Điều 85 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Trường hợp văn bản điện tử được bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư tạo lập dưới dạng điện tử trên Hệ thống mà không phải được tạo lập từ văn bản giấy thì văn bản điện tử này có giá trị là bản gốc.

2. Thời điểm gửi, nhận văn bản điện tử được xác định căn cứ theo thời gian thực ghi lại trên Hệ thống. Văn bản điện tử đã gửi thành công được lưu trữ trên

Hệ thống và không bị sửa đổi bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

3. Khi người sử dụng gửi văn bản điện tử trên Hệ thống, Hệ thống phải phản hồi cho người sử dụng về việc gửi thành công hoặc không thành công.

4. Bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký thành công trên Hệ thống được quyền truy xuất lịch sử các giao dịch của mình, bao gồm thông tin về thời điểm, người gửi, người nhận, tình trạng gửi văn bản điện tử (thành công hoặc không thành công) và các thông tin khác trên Hệ thống. Thông tin về lịch sử giao dịch được sử dụng để giải quyết tranh chấp (nếu có) về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc đánh giá, thẩm định, giám sát không được yêu cầu cung cấp văn bản giấy khi tổ chức, cá nhân này có thể tra cứu, truy xuất văn bản điện tử tương ứng trên Hệ thống, trừ trường hợp cần kiểm tra, xác nhận văn bản gốc (như thư bảo lãnh, hợp đồng tương tự, báo cáo tài chính, giấy phép bán hàng hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, tài liệu cần thiết khác).

Điều 5. Điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin

Để tham gia và thực hiện các giao dịch trên Hệ thống, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 79 và Khoản 1 Điều 80 của Luật đấu thầu và được hướng dẫn chi tiết tại *Hướng dẫn sử dụng*.

Điều 6. Đăng ký tham gia Hệ thống và quy trình xử lý hồ sơ đăng ký

1. Đối với bên mời thầu

a) Quy trình đăng ký:

Quy trình đăng ký bên mời thầu được hướng dẫn chi tiết trong *Hướng dẫn sử dụng*.

b) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn đăng ký bên mời thầu (do Hệ thống tạo ra trong quá trình bên mời thầu cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm a Khoản này);

- Bản chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác (nếu có).

c) Nộp hồ sơ đăng ký:

Bên mời thầu gửi hồ sơ đăng ký theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm hoặc gửi trên Hệ thống. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký trên Hệ thống thì bên mời thầu thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

d) Xử lý hồ sơ đăng ký

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Trung tâm có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và thông báo kết quả xử lý hồ sơ cho bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, bên mời thầu được phê duyệt việc đăng ký trên Hệ thống. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Trung tâm có trách nhiệm thông báo lý do và hướng dẫn bên mời thầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ cho phù hợp. Việc thông báo kết quả xử lý hồ sơ cho bên mời thầu được thực hiện trên Hệ thống, thư điện tử (e-mail), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc các kênh thông tin khác và được hướng dẫn chi tiết trong *Hướng dẫn sử dụng*.

đ) Việc sửa đổi thông tin đã đăng ký trên Hệ thống được thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*. Trường hợp không tự thực hiện được việc sửa đổi thông tin đã đăng ký trên Hệ thống, bên mời thầu gửi văn bản đề nghị sửa đổi thông tin và các văn bản có liên quan đến Trung tâm. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên mời thầu, Trung tâm có trách nhiệm xem xét, xử lý yêu cầu của bên mời thầu.

2. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư:

a) Quy trình đăng ký:

Quy trình đăng ký nhà thầu, nhà đầu tư được hướng dẫn chi tiết trong *Hướng dẫn sử dụng*.

b) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn đăng ký nhà thầu, nhà đầu tư (do Hệ thống tạo ra trong quá trình nhà thầu, nhà đầu tư cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm a Khoản này);

- Bản chụp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh cá thể) hoặc các tài liệu tương đương khác;

- Bản chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền). Trường hợp ủy quyền thì phải có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, nhà đầu tư.

Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư đã đăng ký và có thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <http://dangkykinhdoanh.gov.vn> thì không phải nộp các tài liệu nêu trên, trừ đơn đăng ký nhà thầu, nhà đầu tư.

c) Nộp hồ sơ đăng ký:

Nhà thầu, nhà đầu tư có thể gửi hồ sơ đăng ký theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Trung tâm hoặc gửi trên Hệ thống. Trường hợp gửi hồ sơ đăng ký trên Hệ thống thì nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện theo *Hướng dẫn sử dụng*.

d) Xử lý hồ sơ đăng ký: